

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1316/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Diệu Huệ

Ông Lê Văn Khanh

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tĩnh– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13/01/2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M. Năm sinh: 1991.

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã V, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ tạm trú: A đường T, khu phố N, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Lương Thanh T . Năm sinh: 1986.

Địa chỉ thường trú: Khu phố N, thị trấn Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: A đường T, khu phố N, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Vợ chồng ông chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 104/2015, cấp ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Trong cuộc sống gia đình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến tình cảm không còn. Ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ, ăn nhậu sau đó chửi bới, hăm dọa đánh đập bà, thường xuyên khóa cửa không cho bà vào nhà, đuổi đi không cho bà gặp gỡ bạn bè hay đồng nghiệp. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đến nay, ông T vẫn không có thái độ hợp tác hòa giải hàn gắn hôn nhân, do đó, hai vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Lương Thanh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/3/2017. Bà M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Hai bên không có.

Bị đơn ông Huỳnh Lương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà M có đơn xin vắng mặt. Ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông T ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015, yêu cầu xin ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: bà M xác nhận bà và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Thiên K, sinh năm 2017, bà có yêu cầu được nuôi trẻ K trong khi ông T không có ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện về việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có nên không xem xét.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Huỳnh Lương Thanh T, giao trẻ Huỳnh Nguyễn Thiên K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Lương Thanh T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 104/2015 Quyền số 02/2015 ngày 30/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, bà M có yêu cầu xin ly hôn với ông T nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Huỳnh Lương Thanh T cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Huỳnh Lương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Huỳnh Lương Thanh T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Xem như bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại

Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 104/2015 Quyền số 02/2015 ngày 30/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cùng lời khai của bà M về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà M có yêu cầu ly hôn với ông T vì cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã dẫn đến tình cảm không còn. Ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ, ăn nhậu sau đó chửi bới, hăm dọa đánh đập bà, thường xuyên khóa cửa không cho bà vào nhà, đuổi đi không cho bà gặp gỡ bạn bè hay đồng nghiệp. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với ông Huỳnh Lương Thanh T, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đến Tòa để làm việc, nhưng ông T không đến Tòa và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà M. Cho thấy ông T không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Điều này cho thấy, ông T đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà M theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên cho thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T đã diễn ra trầm trọng, không có khả năng hàn gắn gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà M yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Hai bên có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/3/2017, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên, trẻ K còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, bà M có việc làm ổn định, có thời gian và khả năng tài chính đảm bảo việc nuôi con. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao trẻ Huỳnh Nguyễn Thiên K cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà M khai hai bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: bà M tự khai không có.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Huỳnh Lương T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2015 Quyền số 02/2015 ngày 30/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Lương Thanh T không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: bà M và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/3/2017.

Giao trẻ Huỳnh Nguyễn Thiên K cho bà M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung: Bà M khai hai bên tự thỏa thuận nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: bà M khai không có nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà M đã nộp theo biên lai thu số 0033232 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Bình Tân;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2022

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ
2. Ông Lê Văn Khanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13/01/2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M. Năm sinh: 1991.

Địa chỉ thường trú: Ấp Bến Bào, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ tạm trú: 152 Trần Thanh Mại, khu phố 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Lương Thanh T. Năm sinh: 1986.

Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: 152 Trần Thanh Mại, khu phố 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định . . . /3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Huỳnh Lương T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2015 Quyết số 02/2015 ngày 30/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Lương Thanh T không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: bà M và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Thiên K, sinh ngày 15/3/2017.

Giao trẻ Huỳnh Nguyễn Thiên K cho bà M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung: Bà M khai hai bên tự thỏa thuận nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: bà Thủy khai không có nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà M đã nộp theo biên lai thu số 0033232 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ..... cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2022

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ
2. Ông Lê Văn Khanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13/01/2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M. Năm sinh: 1991.

Địa chỉ thường trú: Ấp Bến Bào, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ tạm trú: 152 Trần Thanh Mại, khu phố 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Huỳnh Lương Thanh T. Năm sinh: 1986.

Địa chỉ thường trú: Khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: 152 Trần Thanh Mại, khu phố 2, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử nhất T biểu quyết 3/3 về các vấn đề sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13/01/2022, về việc: “Ly hôn”

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 422/1 đường Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết